

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Nhóm cổ phiếu VN30 đóng vai trò dẫn dắt thị trường trong phiên hôm nay, giúp VN-Index tăng hơn 17 điểm và đóng cửa kết phiên tại mốc 1,765.12 điểm. Độ rộng thị trường thị trường khá cân bằng với 8/10 ngành tăng điểm. Trong đó, ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng hơn 4%, theo sau là nhóm ngành Du lịch giải trí. Ở chiều ngược lại ngành Bảo hiểm giảm điểm mạnh nhất. Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng hơn 1,000 tỷ trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX và UPCOM. Phiên hôm nay, chỉ số tiếp tục vượt đỉnh đi kèm với thanh khoản cải thiện cho thấy tín hiệu củng cố xu hướng tăng điểm vững chắc hơn so với trước đây. Tuy nhiên các nhà đầu tư vẫn cần cẩn trọng khi đà tăng này chỉ đang tập trung vào một vài nhóm cổ phiếu nhất định.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/10/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+17.57** điểm, đóng cửa tại **1765.12** điểm. HNX-Index **+1.73** điểm, đóng cửa tại **275.35** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+12.63)**, **TCB (+3.29)**, **VRE (+1.46)**, **VJC (+1.34)**, **VHM (+1.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.05)**, **HPG (-1.03)**, **FPT (-0.80)**, **VPB (-0.71)**, **BID (-0.48)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **38,559** tỷ đồng, tăng **20.16%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 44,554 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 30.74 điểm. Thị trường có **119** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **187** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1242.25** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-365.33 tỷ)**, **VRE (-356.77 tỷ)**, **VHM (-353.72 tỷ)**, **MBB (-306.50 tỷ)**, **MSN (-218.96 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **72.87** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCB (+4.96%) ([Link báo cáo](#))
PDR (+4.23%) ([Link báo cáo](#))
KBC (+2.80%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.55%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.98%)
VJC (+6.98%)
HDC (+6.92%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.21%	0.55%	1.01%	1.60%
1 tuần	1.63%	0.67%	4.11%	4.86%
1 tháng	-1.30%	-1.28%	5.87%	7.87%
3 tháng	11.00%	14.85%	20.84%	26.25%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,765.12	275.35	112.70
% 1D	1.01%	0.63%	0.98%
GTKL (tỷ VND)	38,559	3,233	744
%1D	20.16%	49.18%	14.73%
GDNN (tỷ VND)	-1242.25	72.87	9.56

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	273.08	HPG	-365.33
SHB	170.82	VRE	-356.77
VNM	113.53	VHM	-353.72
HDB	92.88	MBB	-306.50
MWG	86.36	MSN	-218.96

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	-2.71%	-2.43%
FTSE100	0.11%	-0.43%
Eurostoxx	-0.64%	-1.15%
Shanghai	-0.19%	1.60%
Nikkei	-1.01%	5.07%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

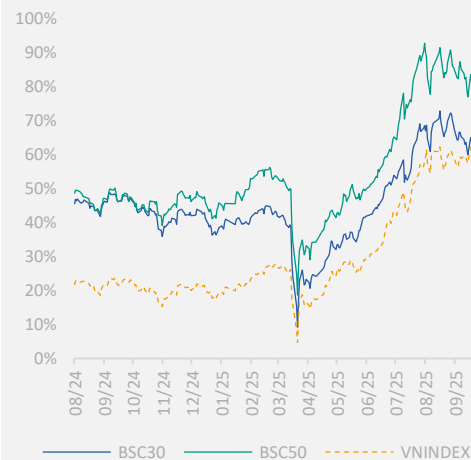
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.60	1.39%
Giá vàng	4,083	2.70%

Tỷ giá		
USD/VND	26,367	-0.06%
EUR/VND	31,358	0.24%
JPY/VND	177	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.00%
LS LNH 1M	5.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

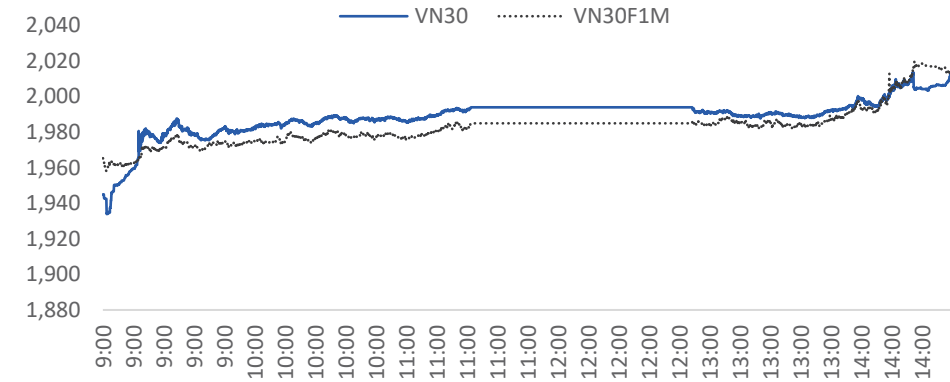
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	2011.00	2.18%	4,120	260.1%	20/11/2025	38
41I1FA000	2013.60	1.91%	276,587	3.0%	16/10/2025	3
VN30F2512	2010.00	2.29%	246	-17.7%	18/12/2025	66
41I1G3000	1982.00	2.37%	112	45.45%	19/03/2026	157

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +31.71 điểm, đóng cửa tại 2012.28 điểm. Biên độ dao động 44.91 điểm. Các cổ phiếu như VIC, TCB, VJC, VRE, VNM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Chỉ số VN30 tăng mạnh đi kèm với khối lượng tăng theo. Điều này cho thấy xu hướng tăng điểm bền vững, và nhiều khả năng xu hướng tăng sẽ vẫn tiếp tục trong thời gian tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSHB2511	24/02/2026	137	60,300	23.72%	18.00	4,270	36.4%	1.87	22.27	18.00	18.00
CVHM2520	23/07/2026	286	500	20.85%	111.90	7,350	27.2%	4.44	148.65	123.00	123.00
CVRE2513	15/12/2025	66	1,283,800	1.12%	30.00	5,400	24.1%	5.33	40.80	40.35	40.35
CFPT2524	25/06/2026	258	39,500	49.52%	118.69	1,000	23.5%	0.12	143.69	96.10	96.10
CVHM2521	25/05/2026	227	131,200	158.97%	115.68	5,740	21.1%	0.00	161.60	62.40	62.40
CVHM2519	25/05/2026	227	16,300	15.85%	108.20	4,900	18.4%	3.25	142.50	123.00	123.00
CVHM2517	3/12/2025	54	9,100	-0.38%	88.89	6,730	17.5%	6.95	122.54	123.00	123.00
CVHM2514	15/12/2025	66	264,800	0.41%	72.00	10,300	17.4%	10.32	123.50	123.00	123.00
CVRE2518	4/05/2026	206	51,500	6.27%	29.00	3,470	17.2%	3.13	42.88	40.35	40.35
CVRE2524	25/06/2026	258	81,200	16.80%	35.89	2,810	17.1%	1.97	47.13	40.35	40.35
CVRE2523	25/03/2026	166	135,400	9.34%	35.00	2,280	16.9%	1.86	44.12	40.35	40.35
CVRE2510	19/12/2025	70	200	0.30%	22.11	4,590	16.8%	4.61	40.47	40.35	40.35
CVHM2518	4/05/2026	206	120,300	8.78%	91.00	5,350	16.6%	4.43	133.80	123.00	123.00
CVIC2511	4/05/2026	206	27,200	4.20%	113.98	10,760	16.3%	10.15	200.06	192.00	192.00
CVRE2522	20/05/2026	222	5,800	9.00%	25.00	9,490	16.2%	8.09	43.98	40.35	40.35
CVRE2519	3/06/2026	236	32,100	8.35%	30.00	3,430	15.9%	2.97	43.72	40.35	40.35
CVIC2513	25/05/2026	227	12,000	15.26%	147.00	7,430	15.6%	5.21	221.30	192.00	192.00
CVHM2510	12/01/2026	94	100	-3.11%	57.50	15,420	14.9%	16.55	119.18	123.00	123.00
CVIC2514	25/06/2026	258	12,600	17.23%	148.89	7,620	13.7%	5.17	225.09	192.00	192.00
CVHM2512	20/05/2026	222	40,800	1.30%	58.00	16,650	13.5%	16.66	124.60	123.00	123.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 13/10/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
 - CSHB2511 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 36.42%. CVRE2513 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.78%.
 - 0, 0, 0, 0, 0 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. 0, 0, 0, 0, 0 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	205.40	6.98%	18.91
TCB	41.30	4.96%	5.54
VJC	142.60	6.98%	3.81
VRE	43.00	6.57%	3.63
VNM	64.00	2.56%	1.94

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	29.00	-2.03%	-3.52
FPT	94.00	-2.19%	-2.61
VPB	31.70	-1.25%	-1.20
VCB	63.10	-1.71%	-0.69
ACB	26.75	-0.74%	-0.60

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	205.40	6.98%	12.63	3.88
TCB	41.30	4.96%	3.29	7.09
VRE	43.00	6.57%	1.46	2.27
VJC	142.60	6.98%	1.34	0.59
VHM	124.20	0.98%	1.13	4.11

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	164.50	9.96%	2.19	0.20
CEO	29.00	9.85%	1.08	0.57
SHS	26.80	1.13%	0.18	0.89
VIF	16.20	4.52%	0.17	0.35
IDC	38.70	1.57%	0.15	0.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	205.40	6.98%	12.51	24.01
VJC	142.60	6.98%	1.33	4.14
HDC	39.40	6.92%	0.11	16.31
CII	28.65	6.90%	0.28	47.23
CRV	33.35	6.89%	0.35	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	164.50	9.96%	12.27	0.11
BKC	26.50	9.96%	0.23	0.09
NFC	58.90	9.89%	0.34	0.07
CEO	29.00	9.85%	6.07	53.48
ECI	9.00	9.76%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	63.10	-1.71%	-2.05	8.36
HPG	29.00	-2.03%	-1.03	7.68
FPT	94.00	-2.19%	-0.80	1.70
VPB	31.70	-1.25%	-0.71	7.93
BID	40.90	-0.73%	-0.48	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	31.90	-2.74%	-0.28	0.48
PVI	68.10	-2.01%	-0.21	0.23
NVB	14.60	-1.35%	-0.15	1.17
HUT	17.10	-1.16%	-0.14	1.07
MBS	34.70	-0.57%	-0.08	0.57

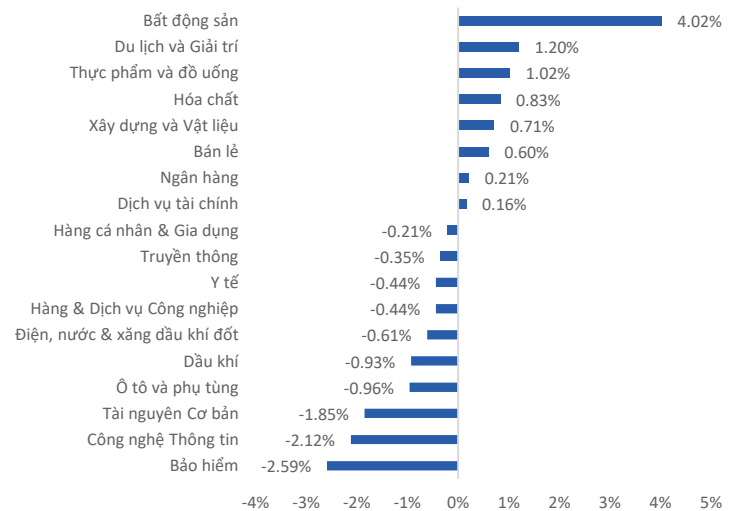
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMA	9.54	-6.93%	0.00	0.01
TNC	29.80	-6.88%	-0.01	0.00
HU1	5.89	-6.51%	0.00	0.00
TNI	5.51	-6.45%	0.00	2.15
DSE	27.80	-4.79%	-0.10	1.78

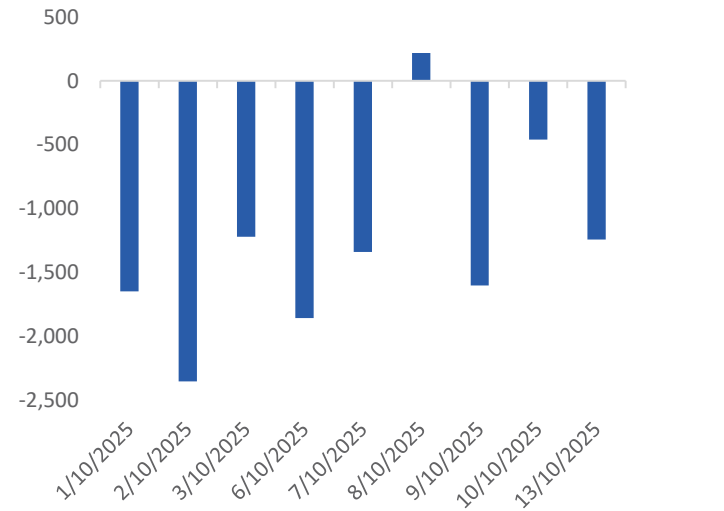
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDU	21.10	-9.83%	-0.16	0.00
VC1	12.20	-9.63%	-0.05	0.00
TKU	14.00	-9.09%	-0.22	0.00
VLA	9.10	-9.00%	-0.01	0.00
QTC	20.50	-8.89%	-0.02	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.0	1.2%	1.3	122,712	666.1	3,304	25.1	100,800	46.2%	Link
KBC	Bất động sản	36.7	2.8%	1.4	34,562	376.4	1,835	20.0	46,000	11.6%	Link
KDH	Bất động sản	32.6	0.3%	1.2	36,528	272.4	716	45.5	39,900	29.0%	Link
PDR	Bất động sản	24.7	4.2%	1.5	24,152	843.4	177	139.6	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	124.2	1.0%	1.1	510,141	1708.5	6,984	17.8	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.0	-2.2%	0.9	160,130	1056.4	5,092	18.5	118,700	36.3%	Link
BSR	Dầu khí	28.9	-1.2%	0.0	89,449	400.6	(16)		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	31.9	-2.7%	1.4	15,247	161.4	2,644	12.1	42,800	9.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.4	0.2%	1.3	29,591	281.1	1,191	23.0		35.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.4	1.6%	1.2	85,839	1732.3	1,567	26.4		36.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.0	1.0%	1.1	31,794	348.8	1,368	32.2		24.8%	
DCM	Hóa chất	35.7	-2.3%	1.4	18,873	161.4	3,186	11.2	47,300	5.8%	Link
DGC	Hóa chất	95.9	1.7%	1.2	36,421	212.8	8,175	11.7	109,300	12.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.8	-0.7%	0.9	137,406	594.7	3,305	8.1	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.9	-0.7%	1.0	287,174	186.8	3,683	11.1	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	56.0	1.5%	1.0	300,720	747.3	5,608	10.0	53,500	26.2%	Link
HDB	Ngân hàng	32.7	2.5%	1.2	114,114	1240.5	4,075	8.0	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	27.4	-0.4%	1.0	220,304	1269.5	3,046	9.0	32,000	22.0%	Link
MSB	Ngân hàng	13.5	-1.8%	1.1	41,964	222.7	1,634	8.2	14,000	29.5%	Link
STB	Ngân hàng	61.0	1.0%	0.8	114,998	686.4	6,148	9.9		17.4%	
TCB	Ngân hàng	41.3	5.0%	1.1	292,662	1974.2	3,017	13.7	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.5	-0.8%	1.2	51,386	355.1	2,423	8.0	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	63.1	-1.7%	0.7	527,243	539.5	4,148	15.2	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.2	-1.0%	0.9	68,591	218.0	2,218	9.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.7	-1.3%	1.3	251,505	1175.1	2,193	14.5	35,600	24.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.0	-2.0%	1.0	222,589	2565.6	1,750	16.6	34,300	19.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.7	-1.6%	1.1	11,612	134.1	751	24.9	23,800	8.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	-0.7%	1.2	10,565	132.7	4,124	6.7	31,700	3.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	85.0	1.1%	1.4	122,903	1125.7	1,861	45.7	92,700	24.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.0	2.6%	0.4	133,757	397.9	4,101	15.6	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.1	-2.55%	1.3	8,858	105.7	2,215	18.1	21.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	142.2	-0.97%	0.8	24,217	74.0	3,163	45.0	30.7%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.8	-3.12%	1.3	39,195	29.2	3,278	16.1	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	22.5	5.14%	1.3	17,920	566.5	211	106.7	4.0%	1.8%	
DXG	Bất động sản	21.4	3.14%	1.2	21,753	675.3	350	61.1	22.1%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	39.4	6.92%	1.1	7,027	626.2	482	81.8	4.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	34.4	5.37%	1.6	12,708	323.2	540	63.6	19.0%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	38.7	1.57%	1.2	14,687	92.9	3,977	9.7	14.1%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	40.8	1.12%	1.2	15,711	170.9	1,709	23.9	44.3%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	55.3	-0.36%	1.3	13,389	50.4	5,215	10.6	3.3%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.0	0.89%	1.1	6,120	37.1	1,978	17.2	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	25.9	4.66%	1.5	22,455	486.7	1,108	23.3	11.3%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	205.4	6.98%	1.2	791,409	4486.5	3,487	58.9	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	43.0	6.57%	1.3	97,710	1178.3	1,937	22.2	15.9%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.3	-1.75%	1.2	8,322	16.9	1,700	23.1	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.1	0.00%	0.8	43,264	42.0	1,661	20.5	15.6%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	21.1	-2.31%	1.2	11,729	176.7	1,428	14.8	3.6%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.6	-1.39%	1.2	12,318	61.7	1,348	26.4	24.9%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	34.7	-0.57%	1.7	22,857	240.6	1,496	23.2	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.6	-0.49%	0.8	146,225	31.3	5,002	12.1	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	-1.71%	0.9	33,606	86.6	636	22.6	2.5%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.8	-0.61%	0.7	35,099	22.5	4,417	14.7	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	142.6	6.98%	0.8	84,364	560.4	3,427	41.6	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.0	-1.61%	1.0	49,632	730.9	1,736	31.7	8.2%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.2	-1.90%	1.1	28,660	141.3	3,824	17.6	42.2%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.7	0.00%	0.7	9,237	70.2	5,700	9.6	5.8%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-0.28%	0.9	8,412	50.4	2,306	7.8	8.2%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.6	0.00%	0.0	12,008	67.0	3,317	29.7	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.9	-0.12%	1.0	28,964	16.2	6,115	13.9	48.8%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.2	0.00%	1.0	3,266	42.2	2,693	10.8	49.2%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	0.00%	1.4	2,354	15.1	2,841	6.8	17.2%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	24.2	-1.02%	1.2	16,454	112.4	957	25.3	6.0%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.5	1.60%	1.9	114,000	101.5	1,331	21.4	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.5	-1.12%	0.9	49,362	262.6	1,783	14.9	4.8%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	52.5	1.74%	0.7	156,832	209.2	3,324	15.8	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	-0.66%	0.0	25,821	66.5	2,260	6.7	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.2	-1.12%	1.0	35,152	133.6	1,130	11.7	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.4	-2.79%	0.9	7,788	290.1	666	26.1	6.2%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	33.4	1.68%	1.3	8,880	98.2	1,871	17.8	4.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	-0.85%	0.7	10,626	101.1	1,981	17.6	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.0	0.22%	0.8	58,934	27.2	3,185	14.4	58.4%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.5	0.00%	1.2	12,682	53.2	6,444	8.8	19.0%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	143.5	0.00%	0.6	11,747	10.7	13,894	10.3	85.0%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.0	-1.83%	1.1	8,723	79.9	4,565	18.8	49.0%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.6	-0.48%	1.4	9,563	15.7	4,930	17.0	5.4%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.8	2.63%	1.2	4,914	162.3	2,518	19.4	6.4%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.8	-0.32%	1.2	7,835	160.1	1,077	14.6	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.3	-1.02%	1.0	8,691	53.3	1,189	20.4	14.0%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	28.3	1.07%	0.9	18,263	362.3	1,195	23.6	8.2%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	53.9	0.00%	1.1	24,166	60.6	3,343	16.1	5.6%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
2	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
4	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
7	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
12	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
13	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
14	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
26	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>